



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 12/2025

I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Luật số 149/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng số 48/2024/QH15

Theo đó, một số nội dung đáng lưu ý của Luật số 149/2025/QH15 như sau:

1.1. Bổ sung nhóm hàng hóa không phải kê khai, nộp thuế GTGT nhưng vẫn được khấu trừ thuế đầu vào

Điểm a Khoản 1 Điều 1 Luật số 149/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 như sau: “*Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.*”

Trước đây theo Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 thì sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

1.2. Tăng ngưỡng doanh thu không chịu thuế GTGT lên 500 triệu đồng đối với hộ, cá nhân kinh doanh

Điểm b Khoản 1 Điều 1 Luật số 149/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung khoản 25 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 như sau: “*Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các khoản thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.*”

Trước đây theo luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 thì ngưỡng doanh thu không chịu thuế GTGT là 200 triệu đồng đối với hộ, cá nhân kinh doanh

1.3. Bãi bỏ quy định người mua chỉ được hoàn thuế khi người bán đã kê khai, nộp thuế

Khoản 3 Điều 1 Luật số 149/2025/QH15 đã bãi bỏ quy định tại Điểm c Khoản 9 Điều 15 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15, điểm này quy định điều kiện hoàn thuế là người bán đã kê khai và nộp thuế GTGT theo quy định đối với hóa đơn đầu ra đã xuất cho doanh nghiệp đề nghị hoàn thuế.

Như vậy theo Luật số 149/2025/QH15, thủ tục hoàn thuế được đơn giản hóa, giảm bớt điều kiện liên quan đến nghĩa vụ thuế đầu ra của bên bán.



1.4. Bãi bỏ quy định về thuế khoán của hộ, cá nhân kinh doanh

Khoản 3 Điều Luật số 149/2025/QH15 đã bãi bỏ quy định tại Khoản 3 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15, khoản này trước đây quy định: *“Hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khoán thuế quy định tại Luật Quản lý thuế”*.

Việc bãi bỏ quy định về thuế khoán của hộ, cá nhân kinh doanh là phù hợp với chủ trương bỏ thuế khoán của Nhà nước, giúp đảm bảo công bằng, minh bạch trong hoạt động quản lý thuế.

Luật số 149/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

2. Nghị định 320/2025/NĐ-CP (NĐ 320) ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo đó, một số điểm mới của NĐ 320 được tóm tắt như dưới đây:

2.1. Thay đổi quy định về người nộp thuế

2.1.1 Làm rõ người nộp thuế là doanh nghiệp nước ngoài

Theo điểm b khoản 1 Điều 2 Luật Thuế TNDN 2025, doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

Để làm rõ quy định này, khoản 1 Điều 2 NĐ 320 đã giải thích cụ thể doanh nghiệp nước ngoài như sau:

- Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam và thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt Nam liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú đó;
- Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam mà khoản thu nhập này không liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú;
- Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam (không bao gồm doanh nghiệp nước ngoài ở trên) cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam;
- Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.

2.1.2 Mở rộng đối tượng người nộp thuế thay

Cụ thể, khoản 2 Điều 2 Nghị định 320/2025/NĐ-CP đã quy định cụ thể đối tượng người nộp thuế trong trường hợp nộp thuế thay gồm:

- Tổ chức được thành lập và hoạt động (hoặc đăng ký hoạt động) theo quy định của pháp luật Việt Nam: Khi kinh doanh thương mại điện tử, dựa trên nền tảng số, nhận chuyển nhượng vốn trên cơ sở hợp đồng với doanh nghiệp nước ngoài.

Trong đó, bao gồm cả tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức quản lý nền tảng số.

- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: Công ty này là người nộp thuế thay cho nhà đầu tư khi Quỹ đầu tư chứng khoán chia lợi tức cho nhà đầu tư và là người nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê bất động sản của quỹ đầu tư bất động sản.

Trường hợp bên nhận chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài là tổ chức, cá nhân nước ngoài thì người nộp thuế là doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam nơi các tổ chức nước ngoài đầu tư vốn.

2.2. Bổ sung, sửa đổi về thu nhập được miễn thuế TNDN

2.2.1. Bổ sung thu nhập được miễn thuế TNDN

Theo khoản 3 Điều 4 về thu nhập được miễn thuế tại NĐ 320, Chính phủ bổ sung một số loại thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp được miễn thuế gồm: Thu nhập từ dịch vụ thoát lũ, ngăn lũ, ngăn triều cường, ngăn mặn, rửa mặn, rửa phèn, giữ ngọt.

Đồng thời, quy định này cũng bổ sung hướng dẫn các dịch vụ kỹ thuật nêu trên được xác định căn cứ theo mã ngành kinh tế cấp 1 của ngành nông nghiệp quy định tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

2.2.2. Bán sản phẩm công nghệ mới chỉ còn được miễn thuế 3 năm

Nội dung này áp dụng với thu nhập từ bán sản phẩm công nghệ mới. Cụ thể, theo điểm b khoản 4 Điều 4 NĐ 320, thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập từ bán sản phẩm. *(Quy định cũ: thời gian miễn thuế tối đa cho thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam là tối đa không quá 05 năm kể từ ngày có doanh thu từ bán sản phẩm.)*

Đồng thời, quy định mới tại NĐ 320 đã bổ sung thêm điều kiện để sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên được áp dụng tại Việt Nam được miễn thuế là phải đảm bảo công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

2.3. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

Theo điểm c khoản 1 Điều 9 NĐ 320, khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt từng lần có giá trị từ **05 triệu đồng** trở lên sẽ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. *(Quy định cũ: hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các khoản chi của doanh nghiệp cho việc:*

Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh,

Cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS nơi làm việc,

Hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp...)

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

- Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một người bán có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được tính vào chi phí được trừ trong trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Trường hợp doanh nghiệp phát sinh các khoản chi do doanh nghiệp ủy quyền/giao cho người lao động trực tiếp mua hộ hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ 05 triệu đồng trở lên mà các khoản chi phí này được thanh toán bởi người lao động bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt thì tính vào chi phí được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau: Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ và quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc quyết định của doanh nghiệp quy định việc ủy quyền hoặc cho phép người lao động được phép thanh toán khoản mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và khoản chi này sau đó được doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động;
- Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên mà đến thời điểm ghi nhận chi phí, doanh nghiệp chưa thanh toán thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Trường hợp khi thanh toán doanh nghiệp không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp phải kê khai, điều chỉnh giảm chi phí đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt (kể cả trong trường hợp cơ quan thuế và các cơ quan chức năng đã có quyết định thanh tra, kiểm tra kỳ tính thuế có phát sinh khoản chi phí này).
- Đối với các trường hợp: Mua sản phẩm là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra; mua sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rơm, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công trực tiếp bán ra; mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt; mua đồ dùng, tài sản của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp bán ra; mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng phải có chứng từ chi trả tiền theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ cho người bán (đối với trường hợp giá trị mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt) và Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm;

2.4. Về xác định lỗ và chuyển lỗ

Theo quy định tại Điều 7 NĐ 320 quy định về xác định lỗ và chuyển lỗ như sau:

- Lỗ phát sinh trong kỳ tính thuế là số chênh lệch âm về thu nhập tính thuế chưa bao gồm các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước chuyển sang.
- Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập chịu thuế những năm tiếp theo. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.
- Doanh nghiệp tạm thời chuyển lỗ vào thu nhập của các quý của năm khi xác định số thuế tạm nộp theo quý và chuyển chính thức vào năm khi lập tờ khai quyết toán thuế năm.

2.5. Về thuế suất

Theo quy định tại Điều 11 NĐ 320 về thuế suất đối với doanh nghiệp như sau:

- Thuế suất 20%: thuế suất phổ thông áp dụng cho hầu hết doanh nghiệp.
- Thuế suất 15% : doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 3 tỷ đồng.
- Thuế suất 17%: doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trên 3 tỷ và không quá 50 tỷ đồng.
- Thuế suất đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí: từ 25%- 50% tùy thuộc vào từng dự án.

3. Nghị định 310/2025/NĐ-CP (NĐ 310) ngày 02/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP (NĐ 125) ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

Theo đó, một số nội dung mới của NĐ 310 như sau:

3.1. Bổ sung phạm vi điều chỉnh và một số hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

- Khoản 1 Điều 1 NĐ 310 bổ sung quy định các khoản thu khác là: các khoản thu theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp giao cho cơ quan quản lý thuế quản lý thu. Đây là các khoản thu quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành giao cho cơ quan thuế quản lý thu và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.
- Khoản 2 Điều 1 NĐ 310 bổ sung đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai có nghĩa vụ đăng ký thuế, nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung, đơn vị hợp thành được Tập đoàn giao trách nhiệm gửi thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 (NQ 107) có hành vi vi phạm. Đồng thời khoản 8 Điều 1 NĐ 310 bổ sung các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến đối tượng này tại Điều 10 NĐ 125 là hành vi thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng NQ 107 quá thời hạn quy định hoặc không thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng NQ 107.
- Khoản 18 Điều 1 NĐ 310 sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có hành vi cung cấp giải pháp trong việc khởi tạo, kết nối nhận, truyền, nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu của hóa đơn điện tử không đảm bảo nguyên tắc theo quy định của pháp luật về hóa đơn.

3.2. Sửa đổi, bổ sung các nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

- Điểm a khoản 3 Điều 1 NĐ 310 sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 5 NĐ 125 theo đó trường hợp cùng một ngày người nộp thuế khai sai một hoặc nhiều chỉ tiêu trên các hồ sơ thuế (không bắt buộc phải cùng một sắc thuế) thì hành vi khai sai thuộc trường hợp xử phạt về thủ tục thuế chỉ bị xử phạt về một hành vi khai sai chỉ tiêu trên hồ sơ thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Đồng thời bãi bỏ việc áp dụng tình tiết tăng nặng “vi phạm hành chính nhiều lần” tại các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 5 NĐ 125.

- Điểm b khoản 3 Điều 1 NĐ 310 bổ sung trường hợp người nộp thuế khai sai nhiều chỉ tiêu trên một hồ sơ thuế thì chỉ bị xử phạt về một hành vi vi phạm hành chính có khung tiền phạt cao nhất hoặc bị xử phạt về một hành vi theo Điều 16, Điều 17 NĐ 125.
- Điểm b khoản 3 Điều 1 NĐ 310 bổ sung trường hợp người nộp thuế thực hiện nhiều hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm hoặc không lập hóa đơn, các hành vi vi phạm còn trong thời hiệu xử phạt và bị xử phạt trong một vụ việc vi phạm hành chính thì chỉ bị xử phạt về một hành vi vi phạm hành chính lập hóa đơn không đúng thời điểm hoặc không lập hóa đơn với số tiền phạt tương ứng với số lượng hóa đơn đã vi phạm.

3.3. Sửa đổi, bổ sung quy định xác định tình tiết tăng nặng “vi phạm hành chính có quy mô lớn”

Khoản 4 Điều 1 NĐ 310 sửa đổi khoản 2 Điều 6 NĐ 125 quy định 02 trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng “vi phạm hành chính có quy mô lớn” là:

- Thực hiện một hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn với số lượng từ 10 số hóa đơn trở lên đối với các hành vi quy định tại khoản 2 Điều 22, Điều 26 và Điều 27 của NĐ 125;
- Thực hiện một hành vi trốn thuế quy định tại Điều 17 của NĐ 125 với số tiền thuế trốn từ 100.000.000 đồng trở lên đối với các trường hợp chuyển hồ sơ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

3.4. Sửa đổi, bổ sung quy định về hành vi vi phạm hành chính của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Khoản 12 Điều 1 NĐ 310 sửa đổi, bổ sung Điều 19 NĐ 125 quy định việc xử phạt vi phạm hành chính các cá nhân, tổ chức có liên quan (bao gồm cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài) khi cung cấp thông tin, tài liệu quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế quá thời hạn, cung cấp không chính xác hoặc có hành vi không cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan thuế.

3.5. Sửa đổi khung tiền phạt đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm và hành vi không lập hóa đơn

Khoản 14 Điều 1 NĐ 310 sửa đổi khoản 2, 3 Điều 24 NĐ 125 quy định khung tiền phạt tương ứng với số lượng hóa đơn vi phạm trong một vụ việc vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm lập hóa đơn không đúng thời điểm và hành vi không lập hóa đơn theo quy định.

3.6. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh

- Điểm a khoản 19 Điều 1 NĐ 310 đã bổ sung thẩm quyền xử phạt bằng hình thức phạt tiền cho công chức thuế. Theo đó, công chức thuế có thẩm quyền phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm về thủ tục thuế và phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm về hóa đơn.
- Khoản 19 Điều 1 NĐ 310 sửa đổi tên gọi và thẩm quyền xử phạt của các chức danh thủ trưởng cơ quan thuế các cấp để phù hợp với tên gọi chức danh hiện nay như Trưởng Thuế cơ sở, Trưởng Thuế tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục thuế, Cục trưởng Cục thuế và thẩm quyền phạt tiền của các chức danh này quy định tại Điều 13 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP.

- Khoản 20 Điều 1 NĐ 310 bãi bỏ chức danh của người có thẩm quyền xử phạt là chủ tịch UBND cấp huyện và quy định chức danh có thẩm quyền xử phạt là chủ tịch UBND cấp xã. Bãi bỏ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của chức danh Đội trưởng Đội thuế, Thanh tra viên, Chánh thanh tra Sở Tài chính, Chánh thanh tra Bộ Tài chính, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành.

3.7. Sửa đổi quy định về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

Khoản 22 Điều 1 NĐ 310 sửa đổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 NĐ 125 về quyền giải trình của người nộp thuế phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính khi quy định này được sửa đổi, Bổ sung và có hiệu lực năm 2022 (bởi Luật số 67/2020/QH15). Theo đó, người nộp thuế có quyền giải trình trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức hoặc các trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính điện tử và trường hợp người nộp thuế có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 NĐ 125.

3.8. Bãi bỏ một số hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn

NĐ 310 bãi bỏ các hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn tại NĐ 125 gồm các hành vi vi phạm quy định về hóa đơn đặt in (Điều 20), hành vi vi phạm quy định về in hóa đơn đặt in (Điều 21), hành vi vi phạm về cho bán hóa đơn đặt in (Khoản 1 Điều 22), hành vi vi phạm quy định về phát hành hóa đơn (Điều 23) và hành vi hủy hóa đơn (tại Điều 27).



II. CÔNG VĂN MỚI ĐÁNG LƯU Ý

1. Công văn 6217/CT-CS ngày 23/12/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Về nguyên tắc **người nộp thuế đối chiếu** hàng hóa, dịch vụ mà người nộp thuế sản xuất, kinh doanh với các nhóm hàng hóa, dịch vụ loại trừ không được giảm thuế tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 180/2024/NĐ-CP và Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế tại Phụ lục I, II, và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP để thực hiện theo quy định.

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm hóa chất, thuộc mã ngành 2029093, mã HS 38.24 thì **không thuộc đối tượng** được giảm thuế GTGT theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP.

Tại phần ghi chú Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP quy định “Mã số HS ở cột (10) chỉ để tra cứu. Việc xác định mã số HS đối với hàng hoá thực tế nhập khẩu thực hiện theo quy định về phân loại hàng hoá tại Luật Hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Hải quan. Các dòng hàng có ký hiệu (*) ở cột (10), thực hiện khai báo mã số HS theo thực tế hàng hóa nhập khẩu.”

Việc xác định mã số HS đối với hàng hóa thực tế nhập khẩu thực hiện theo quy định về phân loại hàng hóa tại **Luật Hải quan** và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Hải quan.

2. Công văn 6068/CT-CS ngày 17/12/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thuộc đối tượng hoàn thuế GTGT và **đáp ứng điều kiện hoàn thuế** theo quy định trước ngày 01/7/2025 và từ ngày 01/7/2025, **đề nghị hoàn thuế GTGT theo tháng, quý nào thì áp dụng chính sách thuế GTGT về hoàn thuế có hiệu lực đối với tháng, quý đó**; thủ tục hoàn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Công văn 6043/CT-CS ngày 17/12/2025 của Cục Thuế về việc xác định lại số thuế TNCN đã phân bổ cho các tỉnh khác nơi NNT có trụ sở chính sau khi quyết toán thuế TNCN

Về nguyên tắc số thuế thu nhập cá nhân phải phân bổ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân làm việc tại từng tỉnh theo số thuế thực tế đã khấu trừ của từng cá nhân; số thuế thu nhập cá nhân xác định cho từng tỉnh theo tháng hoặc quý tương ứng với kỳ khai thuế TNCN và không xác định lại khi quyết toán thuế TNCN.

Về khai bổ sung hồ sơ khai thuế thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật số 38/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15).

Về khai thuế, tính thuế, phân bổ thuế TNCN và khai bổ sung hồ sơ thuế: hiện nay ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS) đã đáp ứng theo yêu cầu nghiệp vụ.



4. Công văn số 6030/CT-NVT ngày 16/12/2025 của Cục thuế về đăng ký mã số thuế mới và mã số thuế người phụ thuộc

(1) Đối với vướng mắc liên quan đến việc đăng ký mã số thuế mới và việc sử dụng số định danh cá nhân hay mã số thuế cũ

Từ ngày 01/7/2025, số định danh cá nhân của công dân sẽ sử dụng thay cho mã số thuế của cá nhân. Người nộp thuế được sử dụng số định danh cá nhân khi thông tin đăng ký thuế của cá nhân đã khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Khi đó, người nộp thuế sẽ ghi số định danh cá nhân vào chỉ tiêu “Mã số thuế” trên tờ khai, chứng từ nộp thuế, hóa đơn, hồ sơ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, các hồ sơ, chứng từ, tài liệu khác có yêu cầu kê khai mã số thuế.

Do đó, từ ngày 01/7/2025, doanh nghiệp đăng ký mã số thuế mới cho người lao động khi họ mới đi làm hoặc đăng ký mã số thuế mới cho nhân viên mới/ người phụ thuộc chưa có mã số thuế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Thông tư số 86/2024/TT-BTC. Sau khi đăng ký thuế thành công (tức dữ liệu đăng ký thuế của người nộp thuế khớp đúng với thông tin cá nhân được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), doanh nghiệp sử dụng số định danh cá nhân vào việc khấu trừ, kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật.

(2) Đối với vướng mắc liên quan đến việc tự đăng ký MST người phụ thuộc khi thay đổi nơi làm việc

Người nộp thuế có thể tự đăng ký người phụ thuộc để được giảm trừ gia cảnh khi tính thuế TNCN qua các cổng thông tin điện tử như:

- Cổng Dịch vụ công Quốc gia: <https://dichvucong.gov.vn>;
- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: <https://dichvucong.gdt.gov.vn>;
- Cổng Thuế điện tử <https://thuedientu.gdt.gov.vn> phân hệ “cá nhân” hoặc đăng ký trực tiếp với cơ quan thuế.

Người nộp thuế chỉ phải đăng ký và nộp hồ sơ chứng minh cho mỗi một người phụ thuộc **một lần trong suốt thời gian** được tính giảm trừ gia cảnh (theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC). Tuy nhiên, khi thay đổi nơi làm việc, giữa các cơ quan chi trả thu nhập không có kết nối chia sẻ thông tin nên đơn vị làm việc mới sẽ không có cơ sở để tính giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc cho người nộp thuế. Người nộp thuế đăng ký lại người phụ thuộc để được tính giảm trừ gia cảnh ngay tại kỳ khai thuế trong năm ở nơi làm việc mới.

Hiện nay, **Bộ Tài chính đang xây dựng dự thảo Luật Thuế TNCN (thay thế) và Luật Quản lý thuế (thay thế)**. Cơ quan thuế xây dựng và vận hành hệ thống dữ liệu điện tử tập trung, cho phép lưu trữ và tra cứu thông tin về giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc thông qua mã số thuế/số định danh cá nhân. Do đó, cơ quan thuế ghi nhận phản ánh kiến nghị của độc giả để sửa đổi quy định về chính sách thuế, quản lý thuế có liên quan.

5. Công văn 6014/CT-KTr ngày 16/12/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Căn cứ các quy định hiện hành, **không có quy định loại trừ doanh nghiệp BOT** khỏi đối tượng áp dụng việc xác định chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN từ năm 2020 đến năm 2023 đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP. Do đó, kiến nghị của Công ty đề nghị loại trừ khỏi đối tượng áp dụng là không phù hợp.

6. Công văn 6010/CT-CS ngày 15/12/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Đối với thanh toán trả chậm, trả góp hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ **05 triệu đồng trở lên**, trường hợp đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có **chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt** thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng; trường hợp sau khi đã kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, doanh nghiệp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì doanh nghiệp thực hiện kê khai khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.

7. Công văn 6008/CT-CS ngày 15/12/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế GTGT

Về nguyên tắc, trường hợp các **dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn, bảo vệ** là dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu và không phục vụ cho hoạt động khác không phải hoạt động sản xuất xuất khẩu và không thuộc các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ thì **được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%**.

8. Công văn 6007/CT-CS ngày 15/12/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế

Hoạt động sản xuất sản phẩm được làm từ vật liệu hợp kim **không thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư**. Do vậy, trường hợp Công ty có hoạt động sản xuất sản phẩm thiết bị vệ sinh từ vật liệu hợp kim thì không thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư để được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định.

9. Công văn 6006/CT-CS ngày 15/12/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế

- Trường hợp Công ty bị chia, tách đã được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm hoặc thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì công ty sử dụng đất sau khi chia, tách được kế thừa các quyền, nghĩa vụ liên quan đến quyền sử dụng đất của công ty bị chia, tách và có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.
- Về chính sách thuế TNDN: về nguyên tắc, các khoản chi của doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu các khoản chi này liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. Theo đó, trường hợp Công ty A có phát sinh khoản chi phí liên quan đến tiền sử dụng đất của hợp đồng thuê đất có thời hạn nhưng **giấy tờ chứng minh quyền thuê đất** vẫn mang tên Công ty B thì các khoản chi liên quan đến việc trả tiền thuê đất nêu trên không đủ điều kiện để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

10. Công văn 6006/CT-CS ngày 15/12/2025 của Cục Thuế về chính sách thuế

Trường hợp xác định các dịch vụ Công ty A cung cấp cho Tập đoàn B là tổ chức ở nước ngoài nhưng các **dịch vụ được tiêu dùng tại Việt Nam** thì **không thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%** theo quy định.

Liên hệ

Bản tin này được ECOVIS AFA VIETNAM cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Mặc dù đã cố gắng cung cấp thông tin một cách chính xác và cụ thể nhất, việc áp dụng các thông tin này vào các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, vui lòng liên hệ với các chuyên gia của chúng tôi.



Nguyễn Hải Nam

Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc

0916 020 113

nam.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trọng Hiếu

Cố vấn chiến lược

0914 015 678

hieu.nguyen@ecovis.com.vn



Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc

0917 705 379

dung.nguyen@ecovis.com.vn



Phạm Quang Trung

Phó Chủ tịch HĐQT

0935 58 3456

trung.pham@ecovis.com.vn



Lê Huy Đông

Giám đốc Tư vấn - Đào tạo

0944 322 988

dong.le@ecovis.com.vn



Nguyễn Thị Hiền Giang

Phó phòng Tư vấn – Đào tạo

0933 224 968

giang.nguyen@ecovis.com.vn

